TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 26-6-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm* có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Đình Nhung;

Ông Cao Hoài Hiêm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Ngọc Yến N, sinh năm 1992; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: ấp TS, xã ĐT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; nơi ở hiện nay: Ấp AH, xã AH, huyện TB tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Anh Võ Văn T, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp TS, xã ĐT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01 tháng 3 năm 2019 và biên bản lấy lời khai - nguyên đơn chị Nguyễn Ngọc Yến N trình bày:

Chị và anh T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT. Sau khi cưới, chị về làm dâu bên chồng. Trong thời gian chung sống, chị làm công nhân còn anh T ở

nhà phụ giúp mẹ chồng buôn bán quán ăn và cạo mũ cao su. Trong thời gian chung sống do chồng không lo cho mẹ con chị hay uống rượu và thường xuyên chửi chị. Chị không chịu đựng nổi mới bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 7-2018. Từ khi vợ chồng sống ly thân, hai vợ chồng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc. Gia đình hai bên cũng không có hòa giải cho vợ chồng chị.

Về con chung: 01 con chung tên Võ Minh Tr, sinh ngày 11-12-2013, hiện đang sống với chị. Từ khi vợ chồng sống ly thân, anh T không một lần nào đến thăm con cũng như phụ tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T. Con chung: Chị yêu cầu tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng vì chị đủ khả năng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Võ Văn T trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của vợ anh là đúng về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do cuối tuần vợ về bên vợ chơi thì không chịu quay trở về nhà. Anh giận và có chửi mắng vợ. Anh thừa nhận có uống rượu 01 tuần khoảng 03 – 04 lần nhưng sau khi đã xong công việc. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 10-2018 đến nay. Anh thừa nhận từ khi vợ chồng sống ly thân, anh không đến thăm con là do anh giận chị N.

Nay anh không đồng ý ly hôn với chị N. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn, về con chung: Anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng. Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc Yến N và anh Võ Văn T.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2013, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐT nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, chị N cho rằng nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T thường xuyên uống rượu, bỏ nhà đi chơi, không quan tâm chăm sóc vợ con. Anh T thừa nhận anh chỉ uống rượu khi đã làm xong công việc. Anh cho rằng nguyên nhân chị N ly hôn với anh do vợ chồng bất đồng quan điểm về việc chị N không về nhà anh vào ngày cuối tuần. Mặc dù trước đó, vợ chồng đã có thỏa thuận. Nay chị N vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh T. Anh T tha thiết xin đoàn tụ và hứa khắc phục những sai sót của bản thân. Qua xác minh chính quyền địa phương thể hiện trong thời gian sống chung giữa vợ chồng anh T, chị N không xảy ra mâu thuẫn. Xét tình trạng vợ chồng giữa chị N và anh T chưa đến mức trầm trọng, đời sống chung có thể kéo dài, mục đích hôn nhân có thể đạt được; căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N.

[2] Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N nên về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 thì đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc Yến N đối với anh Võ Văn T.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Ngọc Yến N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0016956 ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H.Trảng Bàng;
- UBND xã ĐT;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Cẩm